

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HN  
TỈNH BD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BD**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vinh

*Các Hội thẩm nh dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Phước

2. Bà Lê Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 401/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1983; địa chỉ: 01 HTL, K1, thị trấn C Ô, huyện BS, tỉnh QN.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1980; địa chỉ: KP 2, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD.

(*Bà T có mặt, ông C vắng mặt tại phiên tòa.*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc T trình bày:*

Bà và ông C tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân thị trấn C Ô, huyện BS, tỉnh QN ngày 26/3/2010. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường hay cãi vã, rồi ông C tự bỏ ra đi từ năm 2012 và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà thấy vợ chồng sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 08/10/2010 và cháu Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2012. Sau ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 02 con như từ bấy lâu nay và

không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông C. Giao cả 02 cháu Huỳnh Ngọc Bảo H và Huỳnh Tiến Đ cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình bà T phải chịu theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C có địa chỉ cư trú tại KP 2, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

#### **Về nội dung:**

[1] Bà T và ông C tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn C Ô, huyện BS, tỉnh QN ngày 26/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường hay cãi vã, rồi ông C tự bỏ ra đi từ năm 2012 cho đến nay không về. Kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không Đ được.

Từ những tình tiết và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông C là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 08/10/2010 và cháu Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2012 từ bấy lâu nay đều do bà T nuôi dưỡng. Nguyên vọng của 02 cháu đều mong muốn được ở với bà T để được nuôi dưỡng và học hành tốt hơn. Để các cháu được nuôi dưỡng tốt hơn về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cả 02 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C

phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Chi phí đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt, bà T tự nguyện chịu, bà đã nộp đủ và chi phí xong.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ngọc T và ông Huỳnh Ngọc C được ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 08/10/2010 và cháu Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Chi phí đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt, bà Đỗ Thị Ngọc T tự nguyện chịu, bà đã nộp đủ và chi phí xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước.

Bà T đã tạm ứng đủ theo Biên lai thu số: 000555 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN (nay là thị xã HN) được tính trừ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được nhận hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường TQ, để Tòa án nhân dân tỉnh BĐ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã HN;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vinh**